

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ,
thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 2099/2017/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 924/TTr-SKH-CN ngày 09 tháng 4 năm 2026 và sau khi thống nhất tại phiên giao ban Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 16 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ Danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định

này tổ chức triển khai lựa chọn đơn vị cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP5, VP11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Thanh Sơn

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, THÔNG
TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên dịch vụ	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá
I	Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN)		
1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ.	X	
1.1	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ	X	
1.2	Dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ	X	
2	Thẩm định cấp chứng nhận hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN.	X	
2.1	Thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	X	
3	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		X
3.1	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		X
3.2	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác)		X
3.3	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		X
3.4	Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		X
4	Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.		X
4.1	Tư vấn đánh giá năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ		X
4.2	Dịch vụ đánh giá, tiếp nhận công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ		X
4.3	Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ		X
5	Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN	X	
6	Báo cáo thống kê KH&CN	X	

II	Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ		
1	Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.		X
2	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Xây dựng duy trì và phát triển cổng thông tin KH&CN. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.	X	
3	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.	X	
4	Hoạt động hỗ trợ lựa chọn, ứng dụng công nghệ; khai thác thông tin công nghệ, thông tin sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đàm phán, ký kết và thực hiện chuyên giao công nghệ.		X
III	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực KH&CN		
1	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.	X	
2	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý KH&CN.		X
IV	Lĩnh vực ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ		
1	Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm có khả năng nhân rộng trong các lĩnh vực sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường, hỗ trợ các địa phương xây dựng nông thôn mới..	X	
2	Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật, tổ chức khảo nghiệm, hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương trước khi chuyển giao, nhân rộng.	X	
3	Tìm kiếm, lưu giữ, bảo tồn, phục tráng và phát triển các nguồn gen quý, các nguồn gen đặc trưng về giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản, nấm ăn, nấm dược liệu của địa phương.	X	
4	Đánh giá trình độ phát triển công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, là cơ sở tham mưu định hướng cho hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ của tỉnh.	X	
5	Thực hiện các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ, tư vấn, đào tạo và thực hiện dịch vụ KH&CN theo thẩm quyền	X	
V	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		
1	Xây dựng, thẩm định hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN); xây dựng, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và xây dựng, thẩm định các văn bản kỹ thuật đo lường (ĐLVN); Tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ	X	

	thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.		
2	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường; thẩm định hồ sơ phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia.	X	
3	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.		X
VI	Lĩnh vực báo chí		
1	Dịch vụ báo chí tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị: Triển khai công tác thông tin, truyền thông phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và chính quyền thông minh	X	
2	Dịch vụ sản xuất nội dung và đăng, phát thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, truyền thông chính sách của các cơ quan báo chí trên nền tảng số, mạng xã hội và trang thông tin điện tử: Sản xuất, đăng, phát nội dung thông tin truyền thông phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và chính quyền thông minh trên nền tảng số và trang thông tin điện tử Chuyển đổi số của tỉnh	X	
VII	Lĩnh vực công nghệ thông tin		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số		
1.1	Quản lý, khai thác và vận hành Trung tâm Dữ liệu tỉnh Ninh Bình.	X	
1.2	Quản trị, vận hành, bảo trì hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, dịch vụ đô thị thông minh và các hệ thống thông tin quan trọng phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.	X	
1.3	Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát dự án ứng dụng công nghệ thông tin.	X	
1.4	Xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử.	X	
1.5	Dịch vụ số hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.	X	
1.6	Quản lý, khai thác và vận hành hệ thống kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu trên nền tảng trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh.	X	
1.7	Duy trì hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng truyền dẫn và trang thiết bị phụ trợ Trung tâm Dữ liệu của tỉnh.	X	
1.8	Quản lý dịch vụ tên miền (ninhbinh.gov.vn)	X	
2	An toàn thông tin		
2.1	Giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác	X	

	cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh		
VIII	Lĩnh vực Viễn thông, Internet		
1	Dịch vụ đo kiểm chất lượng dịch vụ viễn thông (theo quy chuẩn chất lượng) phục vụ quản lý nhà nước.	X	
2	Dịch vụ đo kiểm sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông	X	
3	Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu nghiệp vụ phục vụ giám sát, điều tiết thị trường viễn thông.	X	
4	Dịch vụ đo kiểm chất lượng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình đối với các kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.	X	